

Số: 209 /2020 /QĐST- HNGĐ

Triệu Sơn, ngày 05 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 309/2020/TLST/HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1989

Địa chỉ: Xóm 1, xã T, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn 6, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1989

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Văn C và chị Nguyễn Thị H.

- *Về con chung*: Vợ chồng anh, chị không có con chung với nhau, hiện nay chị H không có thai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản*: Ngày 28 tháng 10 năm 2020 chị Nguyễn Thị H có đơn xin rút phần yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản. Vì vậy đình chỉ đối với phần yêu cầu về tài sản.

- *Về án phí*: Vợ chồng anh, chị thỏa thuận, anh C nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn) anh C đã nộp theo biên lai số AA/2018/0004182 ngày 01 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn được trừ 150.000 tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại cho anh Cường 150.000đ.

Trả lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là 13.750.000đ (Mười ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) chị H đã nộp theo biên lai số AA/2018/0004224 ngày 22 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- Các đương sự
- VKS Triệu Sơn
- Chi cục thi hành án Triệu Sơn
- UBND xã Hợp Thắng
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Lê Thị Thủy

**TAND HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 130 /2020 /QĐST- HNGĐ

Triệu Sơn, ngày 14 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 177/2020/TLST/HNGĐ ngày 5 tháng 6 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Minh Thư, sinh năm 1996

HKTT: Đồng Vinh 2, xã Đồng Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Niệm thôn 2, xã Khuyến Nông, huyện Triệu Sơn, Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Trần Khả Bằng, sinh năm 1993

HKTT: Đồng Vinh 2, xã Đồng Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 6 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 6 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

2. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Minh Thư, sinh năm 1996

Bị đơn: Anh Trần Khả Bằng, sinh năm 1993

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị Minh Thư và anh Trần Khả Bằng.

- *Về con chung*: Vợ chồng anh, chị không có con chung với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và phần nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Vợ chồng anh, chị thỏa thuận, chị Ngô Thị Minh Thư nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn) chị Thư đã nộp theo biên lai số AA/2018/0004025 ngày 3 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn được trừ 150.000 tiền án phí ly hôn sơ thẩm, trả lại chị Thư 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- Các đương sự
- VKS Triệu Sơn
- Chi cục thi hành án Triệu Sơn
- UBND xã Khuyến Nông
- phòng Giám đốc án
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Lê Thị Thủy

